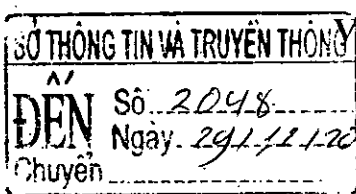


**NGHỊ QUYẾT**



Về kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2016

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU  
KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số: 2100/QĐ-TTg ngày 28/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số: 2502/QĐ-BTC ngày 28/11/2015 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016;

Sau khi xem xét Báo cáo số: 357/BC-UBND ngày 30/11/2015 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư năm 2015 và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2016; Tờ trình số: 1811/TTr-UBND ngày 30/11/2015 của UBND tỉnh dự thảo nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư nguồn nhà nước năm 2016 tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số: 367/BC-HĐND ngày 02/12/2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 như sau:

**1. Tổng nguồn vốn:** 1.955.334 triệu đồng, cụ thể:

- Vốn ngân sách địa phương: 644.200 triệu đồng. Trong đó vốn Trung ương cân đối theo thời kỳ ổn định: 554.200 triệu đồng; vốn thu sử dụng đất: 65.000 triệu đồng và vốn thu xổ số kiến thiết: 25.000 triệu đồng.

- Vốn ngân sách địa phương: 644.200 triệu đồng. Trong đó vốn Trung ương cân đối theo thời kỳ ổn định: 554.200 triệu đồng; vốn thu sử dụng đất: 65.000 triệu đồng và vốn thu xổ số kiến thiết: 25.000 triệu đồng.

- Vốn đầu tư hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (vốn trong nước): 527.703 triệu đồng; vốn nước ngoài (ODA): 25.582 triệu đồng.

- Vốn trái phiếu Chính phủ: 757.849 triệu đồng.

## **2. Nguyên tắc phân bổ**

Căn cứ khả năng cân đối của từng nguồn vốn, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án theo nguyên tắc:

2.1. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 phải nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh; phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 đã trình cấp có thẩm quyền.

2.2. Việc xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn; số 11/CT-TTg ngày 29/5/2015 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.

2.3. Việc phân bổ vốn cho các dự án thực hiện theo đúng các quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020. Trong đó:

- Trong từng ngành, lĩnh vực, ưu tiên bố trí thanh toán nợ xây dựng cơ bản; bố trí 100% vốn cho các dự án, công trình đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng tính đến ngày 31/12/2015 nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Đối với các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016, ưu tiên bố trí 100% nhu cầu vốn còn lại theo khả năng của từng nguồn vốn.

- Đối với các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016, bố trí vốn theo tiến độ thực hiện dự án, thực tế thi công, thời gian thực hiện trong quyết định phê duyệt dự án, và khả năng cân đối từng nguồn vốn. Việc bố trí vốn đảm bảo nhóm C tối đa không quá 3 năm, nhóm B tối đa không quá 5 năm.

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các dự án nêu trên, nếu còn vốn mới xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới, theo quy định sau:

+ Ưu tiên bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 để lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

+ Dự án khởi công mới trong năm 2016 phải được rà soát chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Cụ thể như sau:

\* Thuộc danh mục dự án khởi công mới trong dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

\* Được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án và quyết định đầu tư dự án trước ngày 31/10/2015.

\* Mức vốn bố trí đảm bảo hoàn thành theo đúng thời gian quy định (*dự án nhóm B có tổng mức đầu tư dưới 800 tỷ đồng: bố trí vốn không quá 5 năm; dự án nhóm B có tổng mức từ 800 tỷ đến 2.300 tỷ đồng: bố trí vốn không quá 8 năm; dự án nhóm C bố trí vốn không quá 3 năm*).

Riêng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, ngoài các nguyên tắc chung ở trên, phải thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Bố trí trả nợ Ngân hàng Phát triển theo kế ước.

- Bố trí đủ cho lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Khoa học - Công nghệ theo dự toán Trung ương giao.

- Các dự án khác: Theo khả năng cân đối nguồn vốn, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án quyết toán, hoàn thành, dự kiến hoàn thành và chuyển tiếp còn nhu cầu vốn.

- Vốn thu sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết: Thực hiện theo Nghị quyết của HĐND về quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020.

### **3. Phương án phân bổ:**

#### **3.1. Nguồn vốn Ngân sách địa phương: 644.200 triệu đồng.**

##### **a) Vốn cân đối ngân sách địa phương: 554.200 triệu đồng.**

- Trả nợ Ngân hàng Phát triển theo kế ước: 111.000 triệu đồng.

- Lĩnh vực Giáo dục đào tạo: 95.066 triệu đồng.

- Lĩnh vực khoa học công nghệ: 14.533 triệu đồng.

- Phần vốn còn lại: 333.601 triệu đồng.

+ Cân đối ngân sách huyện, thành phố theo Nghị quyết của HĐND về ban hành về quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020: 93.800 triệu đồng, trong đó: lĩnh vực giáo dục đào tạo là 20.934 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh: 239.801 triệu đồng. Cụ thể:

\* Các dự án đã phê duyệt quyết toán: 17.954 triệu đồng.

\* Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015: 16 dự án, kế hoạch vốn 50.983 triệu đồng, đáp ứng 100% nhu cầu vốn.

\* Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016: 11 dự án, kế hoạch vốn 50.713 triệu đồng.

\* Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2016: 11 dự án, kế hoạch vốn 108.662 triệu đồng.

\* Các dự án khởi công mới năm 2016: 03 dự án, kế hoạch vốn 11.489 triệu đồng.

b) *Vốn thu xổ số kiến thiết: 25.000 triệu đồng.*

- Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016: 02 dự án, kế hoạch vốn 3.162 triệu đồng.

- Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2016: 7 dự án, kế hoạch vốn 10.000 triệu đồng.

- Các dự án khởi công mới năm 2016: 05 dự án, kế hoạch vốn 11.838 triệu đồng.

c) *Nguồn vốn thu sử dụng đất: 65.000 triệu đồng.*

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

**3.2. Vốn đầu tư hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (vốn trong nước): 527.703 triệu đồng, vốn nước ngoài (ODA): 25.582 triệu đồng và vốn trái phiếu Chính phủ: 757.849 triệu đồng.** Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**4. Đăng ký vay ngân hàng phát triển Việt Nam: 200.000 triệu đồng** để bố trí cho 08 dự án giao thông nông thôn và thủy lợi còn nhu cầu vốn.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Trong thời gian giữa hai kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của UBND tỉnh (nếu có) và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XIII;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Giàng Páo Mỹ**



VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG - NĂM 2016

Kế hoạch chi tiêu số 14A /2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lai Châu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT		Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT	Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP (NS tỉnh)			
	<b>Tổng số</b>						<b>2.452.727</b>	<b>513.234</b>	<b>644.200</b>		
<b>A</b>	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>						<b>2.405.427</b>	<b>480.634</b>	<b>554.200</b>		
<b>I</b>	<b>Trả nợ vay Ngân hàng phát triển</b>						-	-	<b>111.000</b>		
1	Trả vay vốn tín dụng ưu đãi								111.000		
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học công nghệ</b>						<b>39.500</b>	<b>39.500</b>	<b>14.533</b>		
<b>a</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016</b>						<b>39.500</b>	<b>39.500</b>	<b>8.000</b>		
1	Nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tỉnh Lai Châu	Tam Đường		2014	2018	1301/30.10.13	39.500	39.500	8.000	Sở Khoa học và Công nghệ	
<b>b</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2016</b>						-	-	<b>6.533</b>		Phân bổ chi tiết sau
1	Phát triển thị trường công nghệ tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu		2016	2016					Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Mua sắm thiết bị nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu		2016	2018					Sở Khoa học và Công nghệ	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục đào tạo</b>						<b>441.880</b>	<b>103.180</b>	<b>95.066</b>		
<b>a</b>	<b>Đổi ứng các dự án sử dụng vốn hỗ trợ của ADB</b>						<b>15.950</b>	<b>4.371</b>	<b>2.959</b>		
<b>a.1</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015</b>						<b>15.950</b>	<b>4.371</b>	<b>2.959</b>		
1	Nhà lớp học trường THPT Quyết Thắng, thị xã Lai Châu	TP Lai Châu	10 P học + 1 P. bộ môn	2014	2015	1182/24.10.13	7.500	2.045	1.420	Sở Giáo dục và Đào tạo	
2	Nhà lớp học bộ môn trường THPT Phong Thổ, huyện Phong Thổ	Phong Thổ	2 P. bộ môn	2014	2015	1180/24.10.13	2.850	799	524	Sở Giáo dục và Đào tạo	
3	Nhà lớp học trường THPT Nậm Tâm, huyện Sin Hồ	Sin Hồ	6 P học + 1 P. bộ môn	2014	2015	1181/24.10.13	5.600	1.527	1.015	Sở Giáo dục và Đào tạo	
<b>b</b>	<b>Các dự án khác</b>						<b>425.930</b>	<b>98.809</b>	<b>92.107</b>		
<b>b.1</b>	<b>Các dự án đã phê duyệt quyết toán</b>								<b>2.511</b>		Có hiệu chi tiết kèm theo
<b>b.2</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016</b>						<b>83.750</b>	<b>48.325</b>	<b>20.352</b>		
1	Trường Tiểu học Trung tâm xã Trung Chải	Nậm Nhùn	10 phòng học, bán trú HS	2014	2016	1112/21.10.13	10.000	10.000	1.345	UBND Nậm Nhùn	
2	Trường THCS xã Vàng Sơn	Mường Tè	8 phòng học, hiệu bộ, bán trú HS, công vụ GV	2014	2016	1113/21.10.13	14.000	14.000	3.600	UBND Mường Tè	
	<b>Trong đó: - Giai đoạn II</b>						<b>6.500</b>	<b>6.500</b>	<b>3.600</b>		
3	Trường tiểu học xã Khun Há, huyện Tam Đường	Tam Đường	12 phòng	2014	2016	1319a/24.10.14	14.250	14.250	3.009	UBND Tam Đường	
4	Nhà lớp học bộ môn trường THCS thị trấn Mường Tè	Mường Tè		2015	2016	1377/28.10.14	6.000	3.900	3.510	UBND Mường Tè	
5	Trường mầm non Quyết Thắng 2 (Giai đoạn II), thành phố Lai Châu	TP Lai Châu		2015	2016	1365/28.10.14	9.500	6.175	5.558	UBND TP Lai Châu	
6	Trường dạy nghề giai đoạn III	TP Lai Châu		2011	2015	60519.5.10	30.000		3.330	Trường Trung cấp nghề	
<b>b.3</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016</b>						<b>342.180</b>	<b>50.484</b>	<b>49.044</b>		

1/1

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT		Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				KC	HT	Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP (NS tỉnh)				
1	Trường mầm non trung tâm xã Trung Chải	Nậm Nhùn	03 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà công vụ	2015	2017	1364/28.10.14	13.500	13.500	4.400	UBND Nậm Nhùn		
2	Trường THCS xã Tá Ba huyện Mường Tè	Mường Tè	08 phòng học, nhà hiệu bộ	2015	2017	1366/28.10.14	13.280	13.280	4.300	UBND Mường Tè		
3	Trường THCS xã Nậm Pi huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn	08 phòng học, nhà hiệu bộ	2015	2017	1363/28.10.14	17.000	13.304	5.344	UBND Nậm Nhùn		
4	Trường mầm non trung tâm xã Nùng Năng, huyện Tam Đường	Tam Đường		2015	2017	1367/28.10.14	13.400	10.400	5.000	UBND Tam Đường		
5	Trường chuyên Lê Quý Đôn	TP Lai Châu		2015	2019	1409/30.10.14	285.000		30.000	Sở Giáo dục và Đào tạo		
	<i>Trong đó: Giai đoạn I</i>							200.000	30.000			
b.4	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>							-	-	20.200		<i>Phần bố chi tiết sau</i>
1	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	Tân Uyên	12 phòng học	2016	2018					UBND Tân Uyên		
2	Trường mầm non Hoa Hồng II	TP Lai Châu	10 phòng học, bán trú HS	2016	2018					UBND TP Lai Châu		
3	Trường PTDT bán trú THCS xã Trung Chải	Nậm Nhùn	08 phòng	2016	2018					UBND Nậm Nhùn		
4	Trường PTDT bán trú THCS xã Khun Há	Tam Đường		2016	2018					UBND Tam Đường		
5	Nhà lớp học bộ môn trường PTDTNT Sin Hồ	Sin Hồ		2016	2018					Sở Giáo dục và Đào tạo		
IV	<b>Cân đối ngân sách huyện, thành phố</b>									93.800		
	<i>Trong đó: - Bổ trí tối thiểu cho lĩnh vực giáo dục đào tạo</i>									20.934		
1	Thành phố Lai Châu	TP Lai Châu							11.567	UBND TP Lai Châu		
	<i>Trong đó: Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo</i>									2.582		
2	Huyện Tam Đường	Tam Đường							9.137	UBND Tam Đường		
	<i>Trong đó: Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo</i>									2.039		
3	Huyện Phong Thổ	Phong Thổ							13.900	UBND Phong Thổ		
	<i>Trong đó: Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo</i>									3.102		
4	Huyện Sin Hồ	Sin Hồ							14.386	UBND Sin Hồ		
	<i>Trong đó: Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo</i>									3.211		
5	Huyện Mường Tè	Mường Tè							12.636	UBND Mường Tè		
	<i>Trong đó: Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo</i>									2.820		
6	Huyện Than Uyên	Than Uyên							13.414	UBND Than Uyên		
	<i>Trong đó: Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo</i>									2.994		
7	Huyện Tân Uyên	Tân Uyên							8.748	UBND Tân Uyên		
	<i>Trong đó: Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo</i>									1.952		
8	Huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn							10.012	UBND Nậm Nhùn		
	<i>Trong đó: Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo</i>									2.234		
V	<b>Các dự án khác do tỉnh quản lý</b>							1.924.047	337.954	239.801		

Vltg

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT		Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT	Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP (NS tỉnh)			
V.1	Các dự án đã phê duyệt quyết toán								17.954		Có biểu chi tiết kèm theo
V.2	Các dự án sử dụng nguồn NSDP						160.216	120.875	40.780		
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015						125.116	85.775	15.320		
1	Đường đến trung tâm xã Nậm Ban	Nậm Nhùn	2,14 km	2012	2014	1707/30.12.11	54.000	54.000	9.209	UBND Sin Hồ	
2	Trụ sở làm việc tòa soạn Báo Lai Châu	TP Lai Châu	1359 m <sup>2</sup> sân	2013	2015	668/20.6.12	15.510	15.510	648	Báo Lai Châu	
3	San gạt mặt bằng và HTKT khu 2B mở rộng thị xã Lai Châu	TP Lai Châu	1.33ha	2013	2015	1266/25.10.12	15.000	11.591	1.205	UBND TP Lai Châu	
5	Đường Co Cóc - Nậm Tăm	Sin Hồ		2009	2012	1765/03.11.09; 1833/31.12.10	33.606	2.674	2.674	Ban QLD BT di dân TĐC tỉnh	
6	Nâng cấp và mở rộng Trung tâm đón tiếp thân nhân liệt sỹ và điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu		2014	2015	934/19.8.14	7.000	2.000	1.584	Sở Lao động thương binh và xã hội	
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016						35.100	35.100	13.971		
1	Đường Thềm Thầu xã Khun Há - Nậm Cung xã Mường Khoa	Tam Đường		2015	2017	1393/29.10.14	35.100	35.100	13.971	UBND Tam Đường	
c	Các dự án khởi công mới năm 2016						-	-	11.489		Phân bổ chi tiết sau
1	Nước sinh hoạt Nà Sài, Nà Bó, Hà Giang xã Bản Giang huyện Tam Đường	Tam Đường		2016	2016					Sở Nông nghiệp và PTNT	
2	Trụ sở xã Tá Bạ	Mường Tè		2016	2017					UBND Mường Tè	
3	Kè suối Nậm Bắc, thị trấn Nậm Nhùn	Nậm Nhùn		2016	2017					UBND Nậm Nhùn	
V.3	Đối ứng các dự án ODA						690.835	58.712	13.050		
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015						119.254	7.360	3.850		
1	Đường trung tâm xã Bản Giang đến xã Nùng Năng	Tam Đường	11,7 km	2013	2015	178/17.02.12; 612/23.6.15	41.187	3.187	2.180	UBND Tam Đường	Thu hồi NS tỉnh
2	Nâng cấp, cải tạo đường Thềm Sin - Mường So	Tam Đường - Phong Thổ	13 km	2009	2015	1870/12.11.09; 792/06.7.11; 1361/01/11/12; 268/02/4/15	78.067	4.173	1.670	UBND Tam Đường	
b	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016						180.367	25.547	7.200		
1	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc	Sin Hồ, Phong Thổ, Tam Đường		2011	2016	1029/19.5.11	180.367	25.547	7.200	Sở Nông nghiệp và PTNT	
c	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016						391.214	25.805	2.000		
1	Dự án giảm nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc giai đoạn 2 - khoản vay bổ sung (2015-2018) tỉnh Lai Châu	Các huyện		2015	2018	1772/30.12.14	191.214	2.124	1.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn kết hợp xây dựng CSHT đồng bộ phòng chống lũ, sạt lở đất gia tăng trong bối cảnh biến đổi khí hậu, bảo vệ dân cư một số khu vực trọng điểm huyện Sin Hồ tỉnh Lai Châu	Sin Hồ		2015	2019	869/12.8.15	200.000	23.681	1.000	UBND Sin Hồ	
V.4	Các dự án đối ứng NSTW						671.211	157.417	45.383		
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015						411.755	92.855	21.953		

1/2/2015



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT		Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT	Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trọng số: NSDP (NS tính)			
1	Biểu tượng văn hóa Lai Châu	TP Lai Châu		2013	2014	1323/30.10.13; 570/30.5.14	25.500	8.500	677	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	
2	Cấp nước thị xã Lai Châu	TP Lai Châu		2009	2014	1003/18.7.08; 713/14.6.09; 1173/16.10.11; 862/09.8.13; 488/21.5.14	130.000	39.127	4.000	Công ty TNHH Cấp nước Lai Châu	
3	Hạ tầng giao thông khu du lịch thị trấn Sin Hồ	Sin Hồ		2013	2015	1251/25.10.12	36.000	19.441	1.951	UBND Sin Hồ	
4	Đường du lịch Vàng Phèo - Nà Cùn, xã Mường So - Phong Thổ	Phong Thổ	4,3 km	2014	2015	1356/31.10.13	14.980	5.922	2.460	UBND Phong Thổ	
5	Sân gạt mặt bằng khu trung tâm hành chính huyện Tân Uyên	Tân Uyên	14,1 ha	2010	2014	843/30.6.10; 1258/6.9.10; 403/1.4.11	159.104	9.294	2.294	UBND Tân Uyên	
6	Sân gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 3 (lô 2, 3)	TP Lai Châu		2010	2014	1405/29.10.10; 1770/27.12.14	46.171	10.571	10.571	UBND TP Lai Châu	Thu hồi NS tỉnh 8.790 triệu đồng
<i>b</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016</i>						<i>89.456</i>	<i>30.562</i>	<i>17.430</i>		
1	Trung tâm lưu trữ tỉnh	TP Lai Châu	3525m <sup>2</sup>	2013	2016	1281/25.10.12	56.326	16.898	5.132	Sở Nội vụ	
2	Nâng cấp, sửa chữa Phòng khám đa khoa khu vực Mường So, huyện Phong Thổ	Phong Thổ		2015	2016	1351/28.10.14	8.000	3.342	3.008	UBND Phong Thổ	
3	Sửa chữa, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Pa Tần, huyện Sin Hồ	Sin Hồ		2015	2016	1353/28.10.14	3.130	1.024	922	UBND Sin Hồ	
4	Phòng khám đa khoa khu vực Ka Lăng, huyện Mường Tè	Mường Tè		2015	2016	1352/28.10.14	11.000	4.871	4.384	UBND Mường Tè	
5	Hạ tầng kỹ thuật, đường đến khu sinh thái và quần thể hang động Pu Sam Cáp	TP Lai Châu		2015	2017	1423/30.10.14	11.000	4.427	3.984	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016</i>						<i>170.000</i>	<i>34.000</i>	<i>6.000</i>		
1	Trụ sở hợp khối các cơ quan sự nghiệp tỉnh	TP Lai Châu		2013	2017	1276/25.10.12	170.000	34.000	6.000	Sở Xây dựng	
<i>V.5</i>	<i>Đổi ứng trương trình hỗ trợ chính sách ngành y tế do EU hỗ trợ</i>						<i>4.950</i>	<i>950</i>	<i>855</i>		
<i>a</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016</i>						<i>4.950</i>	<i>950</i>	<i>855</i>		
1	Trạm y tế xã Bản Lang huyện Phong Thổ	Phong Thổ	12 P.chức năng	2015	2016	482/18.5.15	4.950	950	855	Sở Y tế	
<i>V.6</i>	<i>Các dự án chuyển từ chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW sang sử dụng nguồn NSDP</i>						<i>396.835</i>	-	<i>121.779</i>		
<i>a</i>	<i>Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt - Trung</i>						<i>230.700</i>	-	<i>67.262</i>		
<i>a.1</i>	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015</i>						<i>33.000</i>	-	<i>4.843</i>		
1	Bổ trí dân cư tập trung sát biên giới điểm Hà Kho, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	Mường Tè	30 hộ	2014	2015	1374/31.10.13	18.000		3.115	UBND Mường Tè	Bổ sung NS huyện
2	Bổ trí sắp xếp dân cư Bản Thu Lùm 2 xã Thu Lùm	Mường Tè	40 hộ	2014	2015	1375/31.10.13	15.000		1.728	UBND Mường Tè	Bổ sung NS huyện
<i>a.2</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016</i>						<i>80.700</i>	-	<i>25.228</i>		

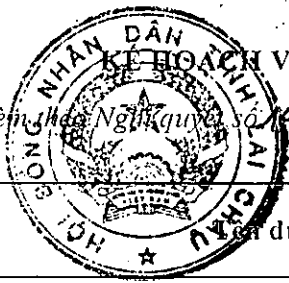


STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT		Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				KC	HT	Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP-(NS tỉnh)				
1	Đường trung tâm xã Thu Lâm (km 19) - A Chè		1,935 km	2014	2016	1154/23.10.13	9.200		882	UBND Mường Tè		
2	Bổ trí dân cư tập trung sát biên giới Việt - Trung, điểm Lông Thàng (Nậm Tân Móng II), xã Pa Tần, huyện Sin Hồ	Sin Hồ	50 hộ	2014	2016	1372/31.10.13	32.000		12.150	UBND Sin Hồ	Bổ sung NS huyện	
3	Bổ trí dân cư tập trung sát biên giới điểm Hua Páng mới, điểm Nậm Chè xã Nậm Ban, huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn	78 hộ	2014	2016	1373/31.10.13	34.000		9.496	UBND Nậm Nhùn	Bổ sung NS huyện	
4	Rà phá bom mìn, vật nổ các xã biên giới thực hiện bổ trí dân cư tỉnh Lai Châu	Mường Tè; Nậm Nhùn; Sin Hồ	210 ha	2015	2016	500/22.5.14	5.500		2.700	BCH Quân sự tỉnh	Thu hồi NS tỉnh	
a.3	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016							117.000	-	37.191		
1	Bổ trí sắp xếp dân cư bản Phu Xuy xã Hua Bum	Nậm Nhùn	31 hộ	2015	2017	1355/28.10.14	23.500		8.855	UBND Nậm Nhùn	Bổ sung NS huyện	
2	Đường giao thông đến bản Nhóm Pô xã Tá Ba	Mường Tè	50 hộ	2015	2019	1395/29.10.14	66.500		18.629	UBND Mường Tè		
3	Sắp xếp ổn định dân cư xã biên giới bản Mù Su - Mù Cá	Mường Tè	35 hộ	2015	2017	1354/28.10.14	27.000		9.707	UBND Mường Tè	Bổ sung NS huyện	
b	Hỗ trợ 03 dân tộc La Hủ, Mảng, Công (Theo QĐ 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ)							86.400	-	30.000		Bổ sung NS huyện
b.1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016							86.400	-	30.000		
1	Đường giao thông đến bản Lá Pê 1, 2	Xã Tá Pa	20 km	2014	2017	1188/24.10.13	55.000		19.000	UBND Mường Tè		
2	Đường giao thông đến bản Nậm Tân Xã	Sin Hồ	10 km	2015	2017	1396/29.10.14	31.400		11.000	UBND Sin Hồ		
c	Sắp xếp ổn định dân cư 02 xã Mù Cá, Tá Tông huyện Mường Tè							67.000	-	19.500		Bổ sung NS huyện
c.1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016							67.000	-	19.500		
1	Đường giao thông đến điểm ĐCĐC xã Kha Á (Tia Sùng Cái) xã Tá Tông	xã Tá Tông	1,5 km	2015	2017	1332/27.10.14	35.000		10.000	UBND Mường Tè		
2	Đường giao thông Cao Chải đến điểm ĐCĐC Tia Ma Mù xã Tá Tông	xã Tá Tông	10 km	2015	2017	1330/27.10.14	32.000		9.500	UBND Mường Tè		
d	Trung tâm kiểm định chất lượng							12.735	-	5.017		
d.1	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015							12.735	-	5.017		
l	Trụ sở Trung tâm tư vấn và kiểm định chất lượng công trình	T.x Lai Châu	3161	2014	2016	1359/31.10.13; 485/19.5.15	12.735		5.017	Sở Xây dựng		
B	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỰ NGUỒN THU XSKT</b>							47.300	32.600	25.000		
1	<b>Thành phố Lai Châu</b>							11.400	9.300	3.000		
a	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2016							11.400	9.300	3.000		
1	Trạm y tế phường Quyết Tiến	TP Lai Châu	462,5 m2	2015	2017	1411/30.10.14	5.400	5.400	1.000	UBND TP Lai Châu		
2	Trạm y tế phường Đông Phong	TP Lai Châu		2015	2017	1437/31.10.14	6.000	3.900	2.000	UBND TP Lai Châu		
2	<b>Huyện Tam Đường</b>							5.400	5.400	3.000		
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016							5.400	5.400	2.000		
1	Trạm y tế xã Tà Lèng huyện Tam Đường	Tam Đường	390 m2	2015	2016	1337/27.10.14	5.400	5.400	2.000	UBND Tam Đường		
b	Các dự án khởi công mới năm 2016							-	-	1.000		Phân bổ chi tiết sau

Ng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT		Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT	Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP (NS tỉnh)			
1	Trạm Y tế xã Giang Ma, huyện Tam Đường	Tam Đường	12 P chức năng + phụ trợ	2016	2018					UBND Tam Đường	
3	Huyện Phong Thổ								3.000		
a	Các dự án khởi công mới năm 2016								3.000		Phân bổ chi tiết sau
1	Trường mầm non xã Lân Nhi Thăng	Phong Thổ	12 P chức năng + phụ trợ	2016	2018					UBND Phong Thổ	
4	Huyện Sin Hồ								5.400	5.400	3.000
a	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2016								5.400	5.400	3.000
1	Trạm y tế xã Chân Nưa	Sin Hồ		2015	2017	1438/31.10.14	5.400	5.400	3.000	UBND Sin Hồ	
5	Huyện Mường Tè								-	-	3.000
a	Các dự án khởi công mới năm 2016								-	-	3.000
1	Trạm Y tế thị trấn Mường Tè	Mường Tè	12 P chức năng + phụ trợ	2016	2018						UBND Mường Tè
6	Huyện Than Uyên								-	-	3.000
a	Các dự án khởi công mới năm 2016								-	-	3.000
1	Trường tiểu học số 1 Mường Kim (điểm trung tâm)	Than Uyên	8 phòng	2016	2018						UBND Than Uyên
7	Huyện Tân Uyên								4.500	4.500	3.000
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016								4.500	4.500	1.162
1	Trường mầm non số 2 thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Tân Uyên		2015	2016	1336/27.10.14	4.500	4.500	1.162		UBND Tân Uyên
b	Các dự án khởi công mới năm 2016								-	-	1.838
1	Trường mầm non số 1 thị trấn Tân Uyên	Tân Uyên		2016	2018						UBND Tân Uyên
8	Huyện Năm Nhùn								20.600	8.000	3.000
a	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2016								20.600	8.000	3.000
1	Trạm y tế xã Trung Chải	Năm Nhùn		2015	2017	1434/31.10.14	6.500	2.500	1.250		UBND Năm Nhùn
2	Trạm y tế xã Năm Chả	Năm Nhùn		2015	2017	1436/31.10.14	6.600	2.600	1.250		UBND Năm Nhùn
3	Trạm y tế xã Năm Ban	Năm Nhùn		2015	2017	1435/31.10.14	7.500	2.900	500		UBND Năm Nhùn
9	Ngân sách tỉnh								-	-	1.000
a	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2016								-	-	1.000
1	Trạm y tế xã Năm Ban	Năm Nhùn		2015	2017	1435/31.10.14			1.000		UBND Năm Nhùn
C	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT										65.000

Nty




KẾ HOẠCH VỐN CÁC DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN  
(Kèm theo Nghị quyết số 141/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lai Châu)

DVT: Đồng

ST T	Tên dự án	Kế hoạch vốn năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>20.464.256.679</b>		
<b>I</b>	<b>Các dự án lĩnh vực giáo dục - đào tạo</b>	<b>2.510.434.000</b>		
1	Phòng bộ môn, nhà ban giám hiệu và các hạng mục phụ trợ trường THPT Bình Lư huyện Tam Đường	339.769.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
2	Trường THPT Quyết Thắng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	36.674.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
3	Trường THPT Mường Kim	746.815.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
4	Trường THCS Phúc Khoa	1.505.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
5	Trường THCS Khun Há	2.514.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
6	Trường THCS Mù Sang	1.786.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
7	Trường THCS Tả Lèng	372.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
8	Trường THCS Ka Lăng	55.929.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
9	Trường THCS Trung Đồng	23.906.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
10	Trường THCS Hồng Thu	39.148.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
11	Trường THCS Hua Nà	175.524.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
12	Nhà nội trú học sinh 8 phòng, nhà bếp, nhà vệ sinh trường THCS Sin Súi Hồ	13.260.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
13	Nhà nội trú học sinh 8 phòng, nhà bếp, nhà vệ sinh trường THCS Bản Hòn	6.455.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
14	Nhà nội trú học sinh 8 phòng, nhà bếp, nhà vệ sinh trường THCS Khoen On	1.283.000	Sở Giáo dục và đào tạo	
15	Trường THCS xã Mù Cả, huyện Mường Tè	918.276.000	UBND huyện Mường Tè	
16	Trường mầm non thị trấn Tam Đường tỉnh Lai Châu	147.218.000	UBND huyện Tam Đường	
<b>II</b>	<b>Các dự án khác</b>	<b>17.953.822.679</b>		
1	Kè chống sạt lở bờ sông Nậm So và nậm Na huyện Phong Thổ giai đoạn II	26.000.000	UBND huyện Phong Thổ	
2	Kè chống xói lở suối Nậm Chăng trung tâm thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	17.940.000	UBND huyện Tân Uyên	
3	Tuyến đường số 4 và 4A thị trấn Tam Đường (giai đoạn II)	9.750.000	UBND huyện Tam Đường	
4	Trung tâm xúc tiến đầu tư và thương mại tỉnh Lai Châu	70.600.000	Ban QLXD các công trình của tỉnh	

ST T	Tên dự án	Kế hoạch vốn năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
5	Điện chiếu sáng thị trấn Mường Tè	458.973.000	UBND huyện Mường Tè	
6	Nhà giảng đường Chính trị tỉnh Lai Châu	157.328.000	Trường Chính trị tỉnh	
7	Sửa chữa phòng khám đa khoa TTCX Pa Há	24.745.000	UBND huyện Sin Hồ	
8	Cấp NSH bản Riêng Thàng, xã Nậm Cha, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu	7.980.000	Trung tâm nước sạch & VSMT	
9	Mua sắm thiết bị trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm	17.764.000	Sở Y tế	
10	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Y học Cổ truyền	20.764.000	Sở Y tế	
11	Cấp NSH bản Chiềng Na, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu	7.600.000	Trung tâm nước sạch & VSMT	
12	Cấp NSH bản 46, bản Huổi Ke; NSH bản Chu Va 12 xã Sơn Bình huyện tam Đường tỉnh Lai Châu	18.801.000	Trung tâm nước sạch & VSMT	
13	Cấp NSH bản Tung Qua Lin, xã Tung qua Lin huyện Phong Thổ	2.176.000	Trung tâm nước sạch & VSMT	
14	Cấp NSH bản Lũng Than, xã San Thàng, thị xã Lai Châu	23.819.000	Trung tâm nước sạch & VSMT	
15	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 2 mở rộng thị xã Lai Châu	86.720.000	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
16	Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm huyện Mường Tè	550.614.000	Phòng công thương huyện Mường Tè	
17	Cấp NSH bản Pá Pầu, NSH bản Khem xã Ta Gia huyện Than Uyên	52.967.000	Trung tâm nước sạch & VSMT	
18	Cấp NSH bản Sàng Ma Pho, NSH bản Sì Cha Chải xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu	31.082.000	Trung tâm nước sạch & VSMT	
19	Đường nội đồng xã Nà Tăm, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	4.511.000	UBND huyện Tam Đường	
20	Cấp NSH bản Phan Chu Hoa, NSH bản Sì Miếng Khan, xã Nùng Nàng huyện Tam Đường	68.990.000	Trung tâm nước sạch & VSMT	
21	Cấp NSH bản Trung tâm, NSH bản Bú Mạ xã Nậm Cuối huyện Sin Hồ tỉnh Lai Châu	1.694.000	Trung tâm nước sạch & VSMT	
22	Thủy lợi Hua Đán xã Khoen On huyện Than Uyên	15.216.000	UBND huyện Than Uyên	
23	Cấp NSH bản Lở Thàng 1, NSH bản Thèn Sin 1 xã Thèn Sin, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	31.190.000	Trung tâm nước sạch & VSMT	
24	Cấp NSH điểm sắp xếp dân cư bản Loong Mới, xã Chăn Nưa, huyện Sin Hồ	16.204.000	Trung tâm nước sạch & VSMT	
25	Trạm quản lý bảo vệ rừng tại bản Gia Khâu I xã Nậm Loong thành phố Lai Châu	141.800.000	Quỹ BV và phát triển rừng tỉnh Lai Châu	
26	Nhà ăn, nhà khách Hương Phong	15.926.000	Ban QLXD các công trình của tỉnh	



ST T	Tên dự án	Kế hoạch vốn năm 2016	Chủ đầu tư	Ghi chú
27	Nước sạch hoạt động khu Ma Lù Thàng	117.176.000	Công ty TNHH xây dựng và cấp nước	
28	Thuỷ lợi Cầu Máng, xã Mương Tè, huyện Mương Tè	169.468.000	UBND huyện Mương Tè	
29	Sân vận động huyện Than Uyên	141.283.000	UBND huyện Than Uyên	
30	Bãi rác huyện Sin Hồ	14.784.000	UBND huyện Sin Hồ	
31	Đường QL4D -Ao cá Bác Hồ - QL4D tránh đường 58 m	743.817.679	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
32	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 5 giai đoạn II	360.739.000	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
33	Tuyến kè chống xói lở, bảo vệ bờ suối Nậm Lé khu vực Cửa Cài từ cột mốc số 61 đến sau cột mốc 63 xã Huổi Luông huyện Phong Thổ	6.514.000	UBND huyện Phong Thổ	
34	Đường Pa Vệ Sủ - Sín Chải huyện Mương Tè	8.743.259.000	UBND huyện Mương Tè	
35	Đường Nậm Khao - Tà Tổng huyện Mương Tè	2.269.513.000	UBND huyện Mương Tè	
36	Cầu treo Nậm Khao huyện Mương Tè	3.506.115.000	UBND huyện Mương Tè	

Vly

NHU CẦU KINH DŨNG VÀ DÙNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC NĂM 2016 ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN  
 KINH DŨNG VÀ DÙNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG VÀ GIAO THÔNG NÔNG THÔN



Quyết số 141 /2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 HĐND (tỉnh Lai, Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Địa điểm	Năng lực	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Nhu cầu còn lại theo tổng mức đầu tư	Dự kiến vay tín dụng ưu đãi năm 2016	Ghi chú	
					TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
<b>TỔNG SỐ</b>								<b>1.880.760</b>	<b>829.027</b>	<b>665.832</b>	<b>200.000</b>
<b>I</b>	<b>Chương trình kiên cố hóa kênh mương</b>										
1	Dự án chuyển tiếp										
	<i>a Dự án nhóm B</i>										
1	Kiên cố hóa kênh mương cánh đồng Bình Lư và cánh đồng Nà Tâm huyện Tam Đường	Tam Đường	512ha	2013-2016	1279/25.10.12	86.000	86.000	11.750			
<b>II</b>	<b>Chương trình kiên cố hóa giao thông</b>										
<b>1</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>										
	<i>a Dự án nhóm B</i>										
1	Đường từ thị trấn Mường Tè đến Nậm Nhỏ		NTA	2012-2013	689/16.6.11	149.000	144.000	20.044			
2	Đường Mường Tè - Pa Ủ	Mường Tè	26,5 km		1263/24.10.11	159.360	57.064	11.783			
	<i>b Dự án nhóm C</i>										
1	Đường đến trung tâm xã Tung Qua Lin, huyện Phong Thổ	Phong Thổ		2013-2015	1243/25.10.12	13.000	13.000	6.902			
<b>2</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>										
	<i>a Dự án nhóm B</i>										
1	Nâng cấp, cải tạo đường Đào San - Si Lờ Lầu	Phong Thổ	43 km		293/20/3/06, 1376/28.10.10	301.400	145.963	57.908			
2	Đường giao thông nông thôn từ Km43 Mường Mỏ đến Nậm Chà xã Mường Mỏ	Nậm Nhùn	32,5 km	2013-2017	1231/25.10.12	190.000	190.000	73.543			
3	Đường Ngải Chồ - Nậm Pè - Nậm Chăng	Sin Hồ	11 km		1003/18.9.13	54.000		35.000			
4	Đường thị xã Lai Châu - thị trấn Sin Hồ	T.p Lai Châu - TT Sin	62 Km	2012-2016	1203/17.10.11	915.000	180.000	442.000			

Nky